

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ H
TỈNH THỪA THIÊN H

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HNGN - ST

Ngày: 29 - 4 - 2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tuyết Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tôn Nữ Quỳnh Tương;
2. Bà Trần Thị ThXuân;

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trương Bảo Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh ThừaThiên H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H (60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/ TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 04 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 21/7/1994; Nơi ĐKKHKT: số 23/33 đường Nguyễn Khoa Ch, phường An C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H; Chỗ ở hiện nay: thôn Giang L, xã Phương L, huyện Quế V, tỉnh Bắc N; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Thanh, sinh ngày 16/7/1987; Nơi cư trú: số 23/33 đường Nguyễn Khoa Ch, phường An Cựu, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2020 của chị Nguyễn Thị L và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Tại phiên tòa chị L xin vắng mặt nhưng bản tự khai ngày 02/02/2021 chị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Thkết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 02 năm, được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới. Chị L, anh Thđã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Cựu, thành phố H ngày 04/04/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số nhà 23 kiệt 33 đường Nguyễn Khoa Chiêm, phường An Cựu, thành phố H. Trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh Thvà chị L xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cãi vã nhau. Anh Ththường nhậu nhệ, tìm cách gây gổ với chị L, nên tháng 3/2020 chị L đưa con trai đi nơi khác để sinh sống. Từ đó đến nay, chị L và anh Thsống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Thanh.

- Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L xác nhận vợ chồng chung sống có 01 con chung là Phạm Quang V, sinh ngày 02/10/2016. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Quang Vđến khi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Thphải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị đảm bảo về kinh tế và có chỗ ở ổn định.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L tự thỏa thuận giải quyết với anh Thanh, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác nhận vợ chồng chị chung sống không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Thanh. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập lần hai cho anh Thđến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Thvẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Thanh; Về nuôi con chung: Giao cho chị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm

Quang V, sinh ngày 02/10/2016 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L không yêu cầu anh Thcấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, nên không xem xét;
- Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.
- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự:

[1] Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.
- Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phạm Thlân thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh Thvẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Ththeo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Thkết hôn tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An C, thành phố H ngày 04/04/2016 nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cãi vã nhau. Anh Ththường nhậu nhẹt, gây gổ với chị L nên từ tháng 3/2020 đến nay vợ chồng không sống chung với nhau và không còn hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Thđến làm việc nhưng anh đều vắng mặt chứng tỏ anh không có thiện chí muốn khắc phục tình cảm vợ chồng.

Về phía chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng anh Thanh, chị L có xảy ra mâu thuẫn nên chị L đưa con đi ở nơi khác, và phía gia đình cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng anh Thvà chị L phát sinh mâu thuẫn do anh Thnhậu nhẹt về nhà gây gổ với chị L.

Do đó, xét tình trạng hôn nhân của anh Thanh, chị L mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn anh Thlà có đủ căn cứ chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L có nguyện vọng xin trực tiếp nuôi cháu Phạm Quang V, sinh ngày 02/10/2016 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Phạm Thcấp dưỡng tiền nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay chị L có việc làm và chỗ ở ổn định, từ trước đến nay cháu Phạm Quang V đều do chị L trông nom, chăm sóc nên việc giao con cho chị L nuôi dưỡng là

phù hợp. Chị L không yêu cầu anh Thấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác nhận vợ chồng không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Phạm Thanh.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Phạm Quang V, sinh ngày 02/10/2016 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Phạm Thấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L xác nhận vợ chồng không có nợ chung, nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị Nguyễn Thị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002154 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADSTP H;
- UBND phường An Cựu, H;
- (ĐKKH ngày 04/4/2016)
- Đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Tuyết Linh